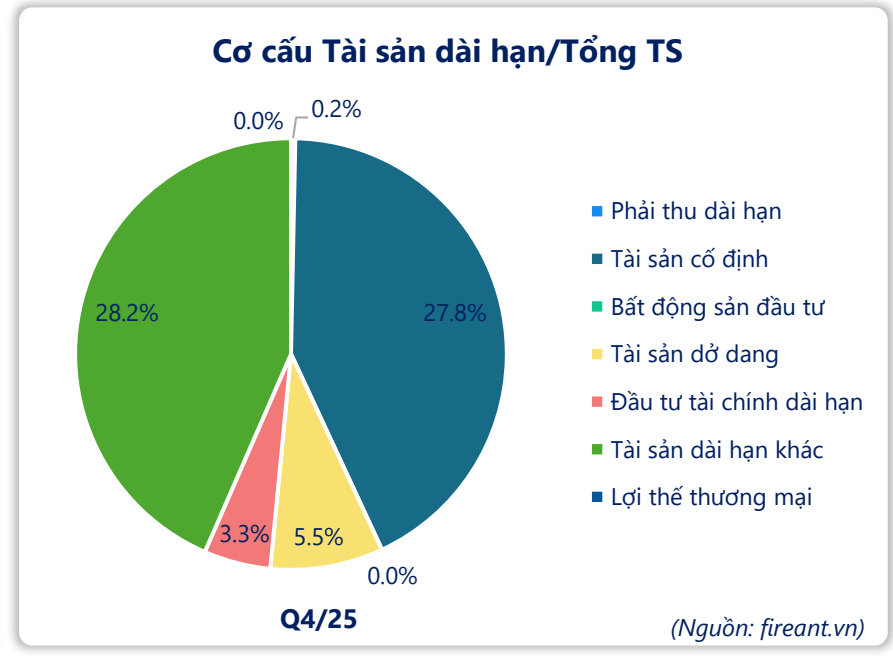
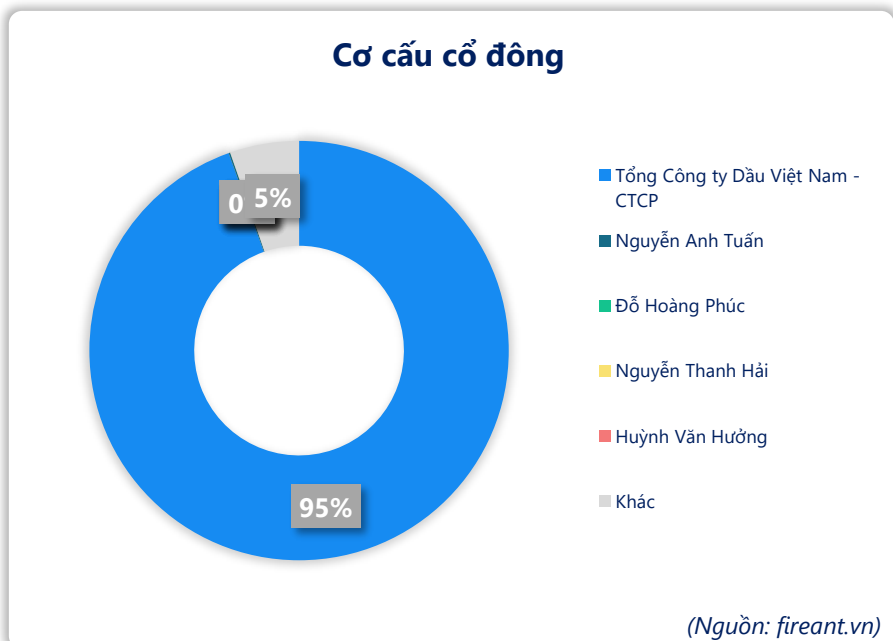
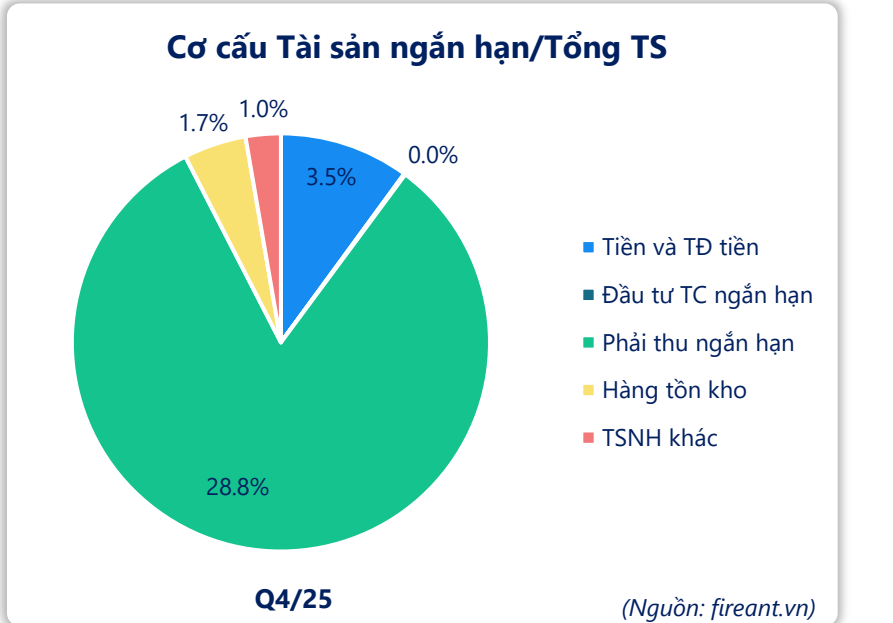
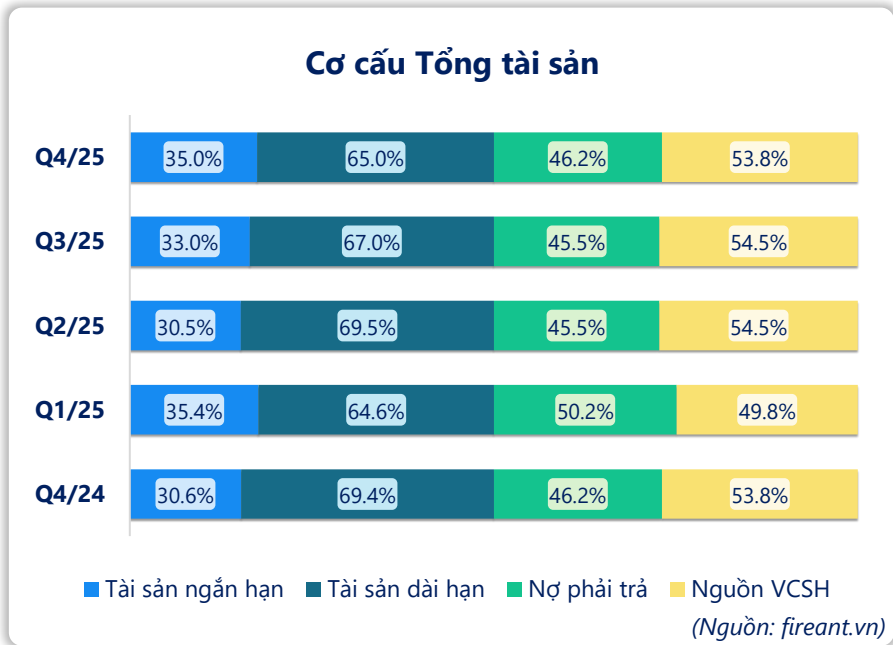
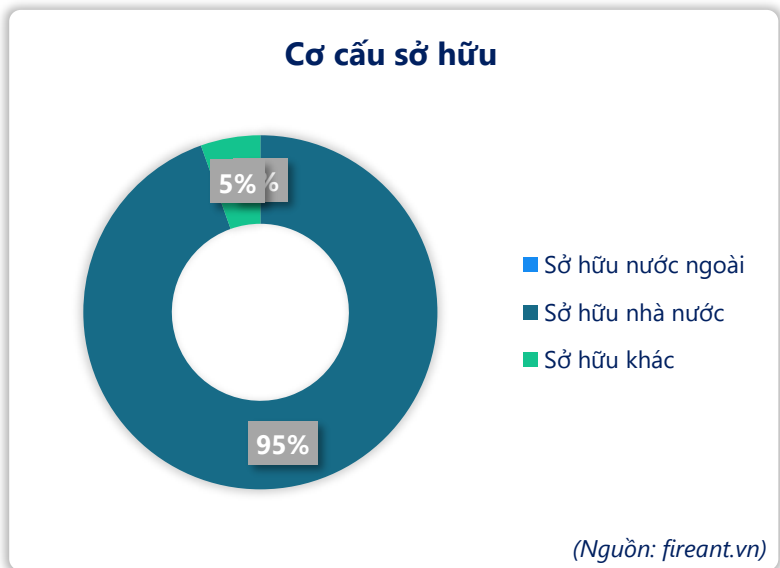
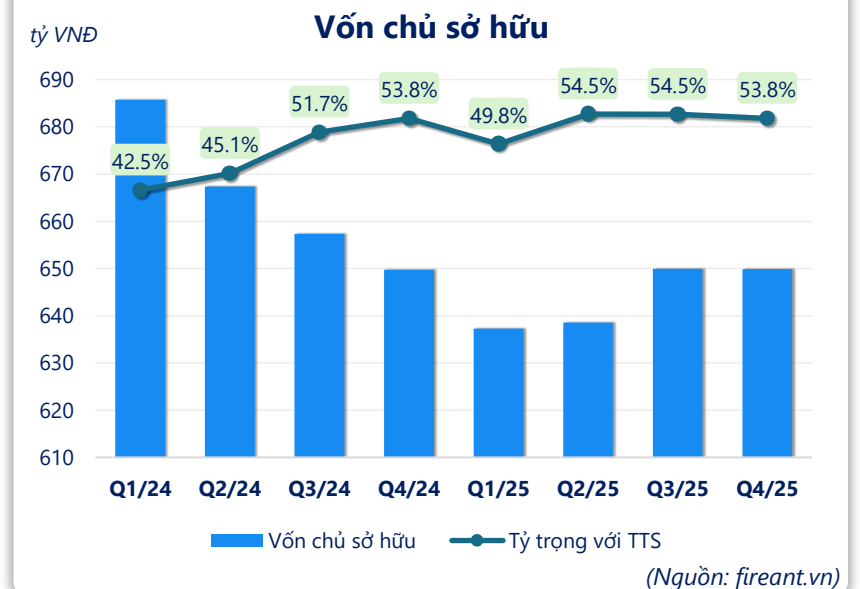
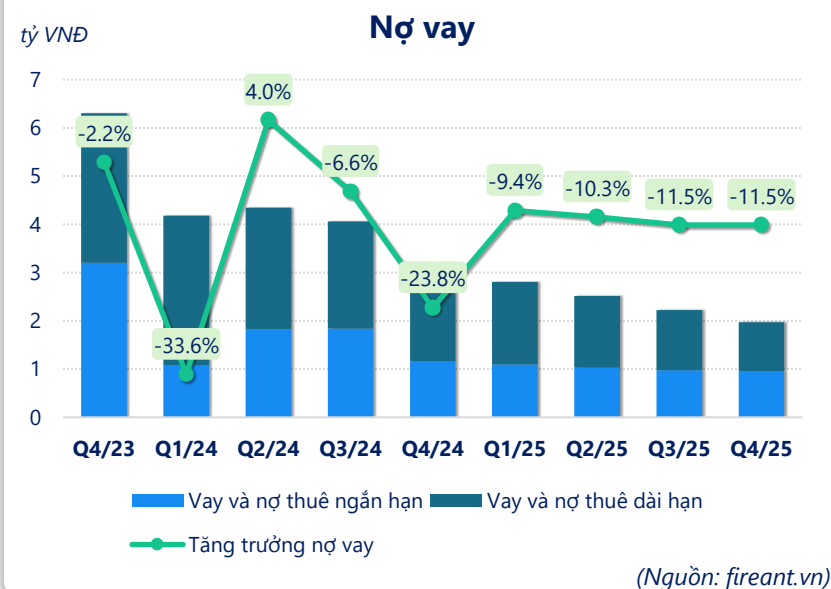
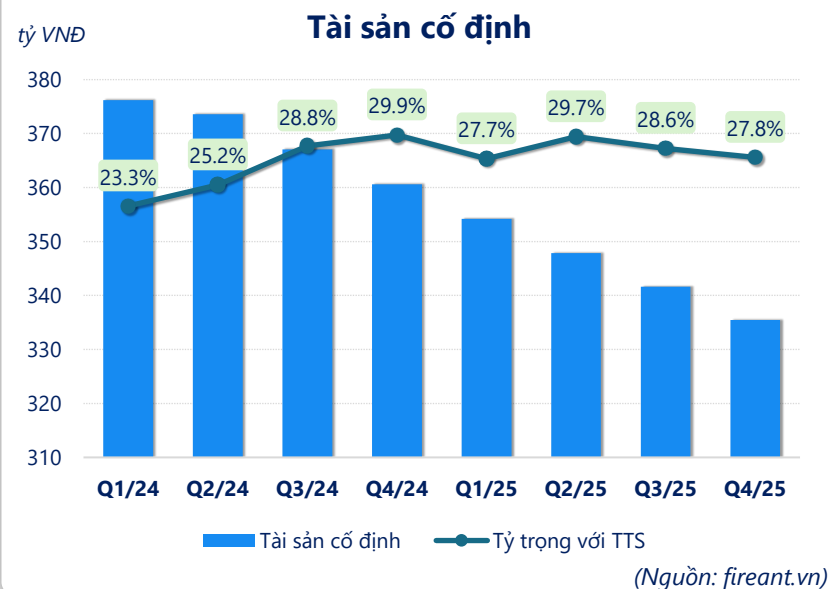
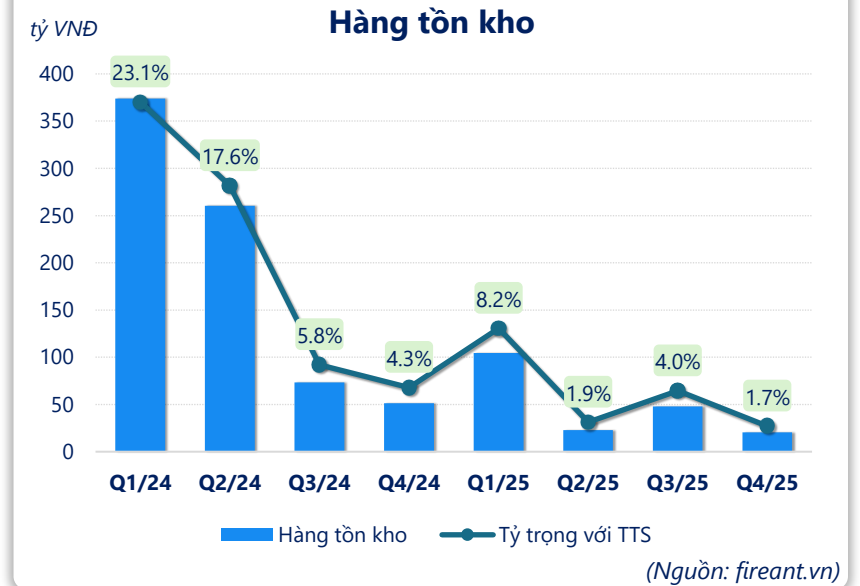
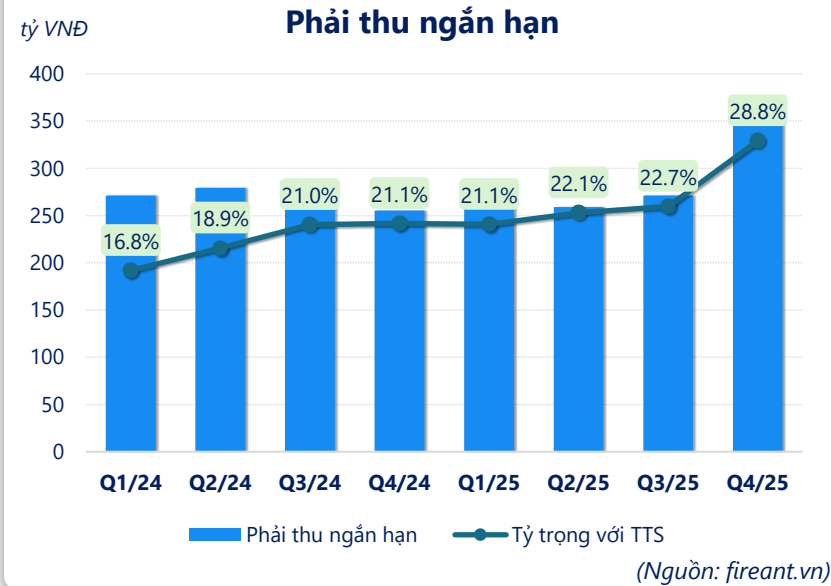
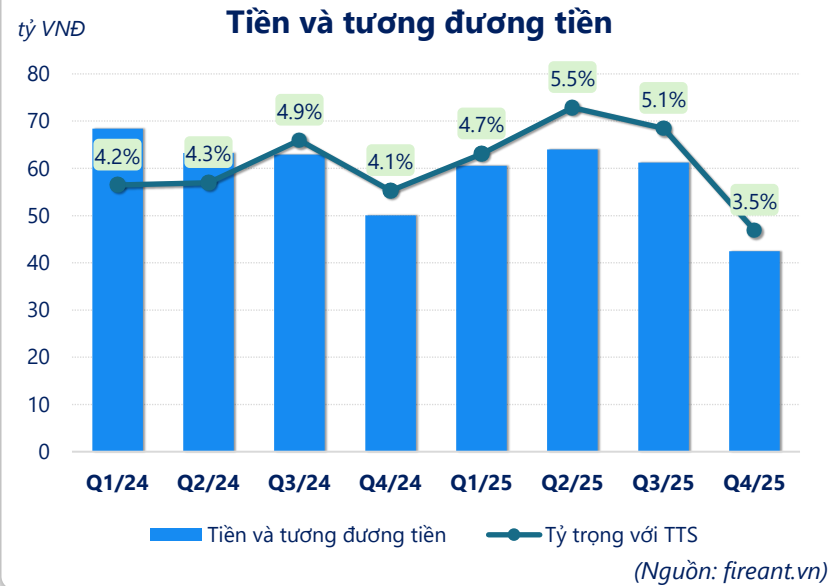
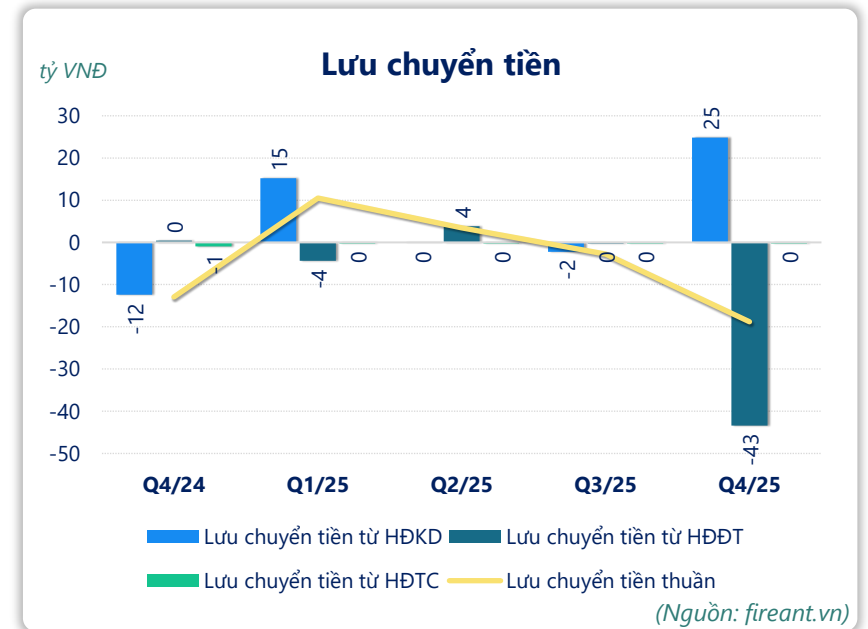
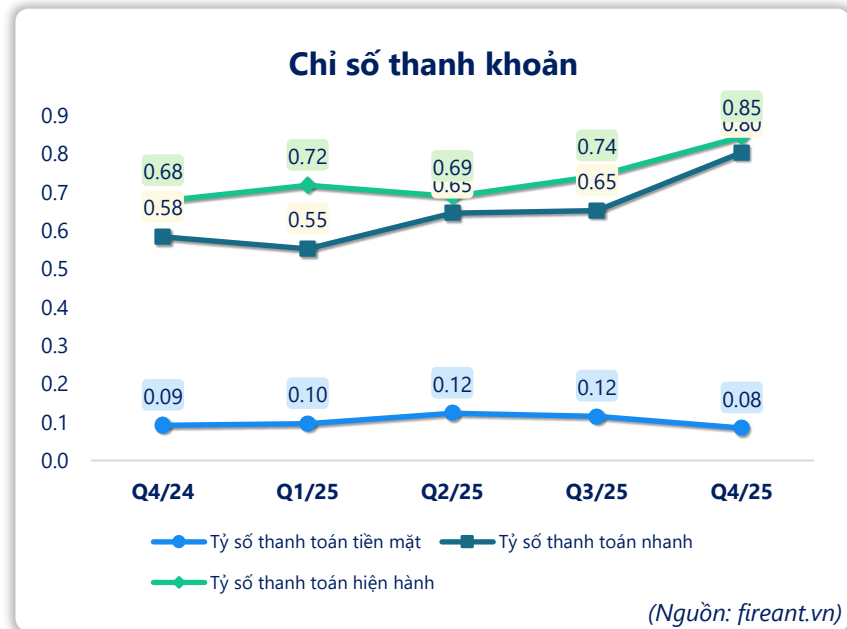
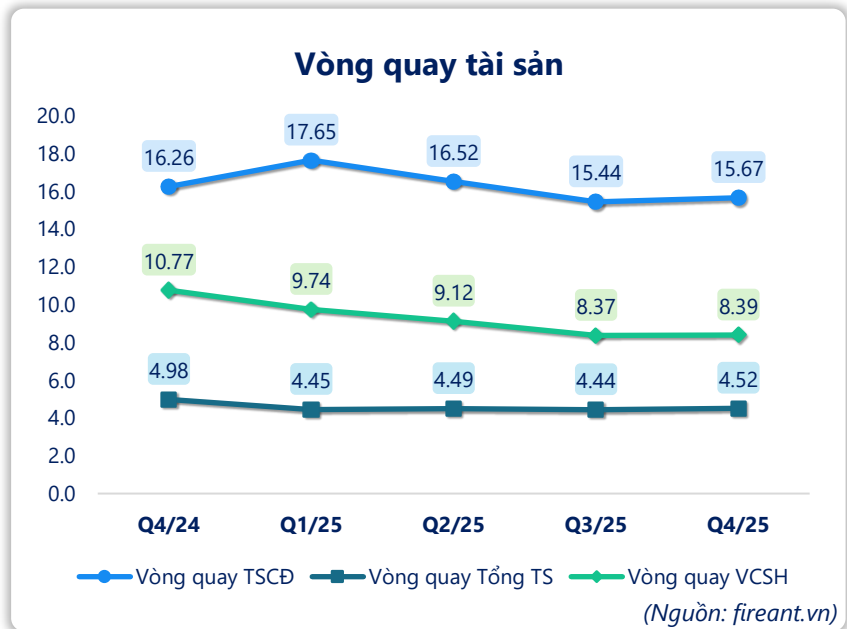
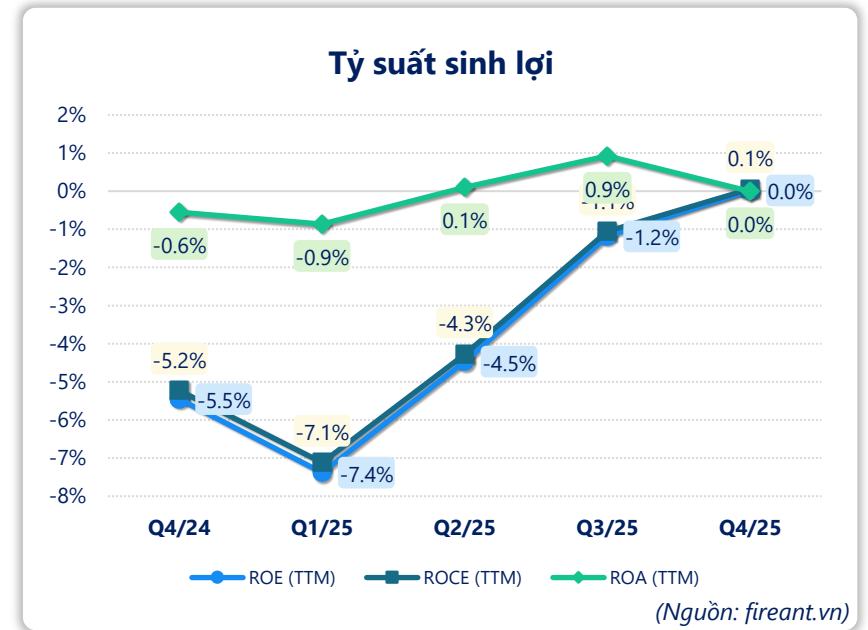
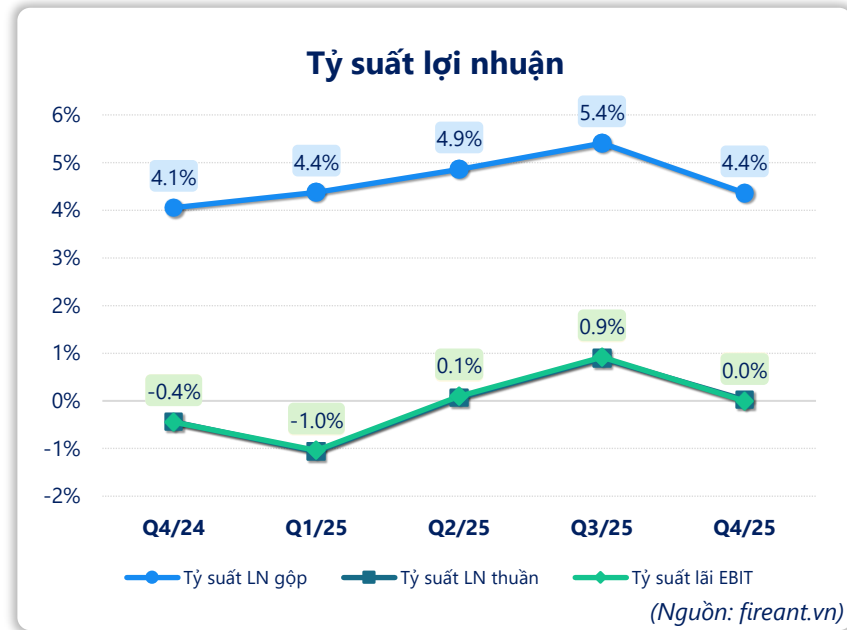
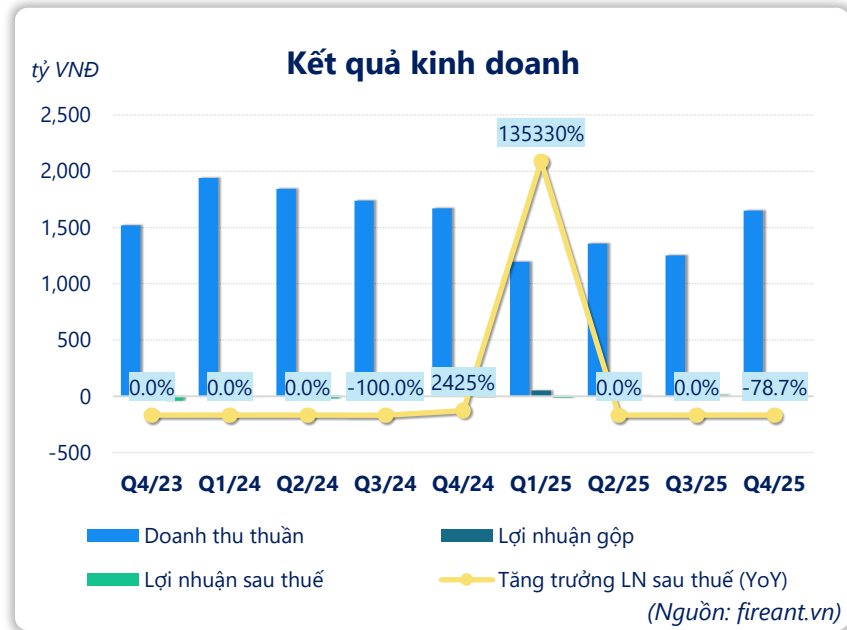


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		4,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,200
SL cổ phiếu LH		248,877,470
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,375
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,020
P/E		8631.1
EPS		

	YTD	1T	3T	6T
PEG	-48.1%	5.1%	10.8%	-2.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,207	1,207	0.0%
Tài sản ngắn hạn	423	369	14.4%
Tiền và tương đương tiền	42.5	50.0	-15.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.41	0.41	0.0%
Phải thu ngắn hạn	348	255	36.3%
Hàng tồn kho	20.5	51.4	-60.2%
Tài sản ngắn hạn khác	11.5	12.3	-6.6%
Tài sản dài hạn	785	838	-6.4%
Phải thu dài hạn	2.51	2.50	0.5%
Tài sản cố định	335	361	-7.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	66.3	65.7	1.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	39.3	38.2	2.9%
Tài sản dài hạn khác	341	371	-8.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	557	557	0.0%
Nợ ngắn hạn	500	544	-8.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.96	1.13	-14.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	393	455	-13.5%
Nợ dài hạn	57.3	13.0	340%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.01	1.97	-48.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	650	650	0.0%
Vốn chủ sở hữu	650	650	0.0%
Vốn điều lệ	2,489	2,489	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,668	1,196	1,355	1,253	1,649
Giá vốn hàng bán	1,600	1,144	1,290	1,185	1,577
Lợi nhuận gộp	67.6	52.3	65.9	67.7	71.8
Doanh thu HĐTC	1.06	0.30	0.70	1.32	1.38
Chi phí TC	0.01	0.06	0.40	0.05	0.56
Chi phí lãi vay	0.07	0.06	0.06	0.05	0.04
LN trong công ty LKLD	1.10	0.50	-0.03	0	1.49
Chi phí bán hàng	56.0	56.2	52.1	49.8	53.6
Chi phí QLDN	21.1	9.58	13.1	8.05	20.2
LN thuần từ HĐKD	-7.35	-12.7	0.88	11.2	0.34
Lợi nhuận khác	-0.16	0.23	0.39	0.27	-0.39
LN trước thuế	-7.51	-12.5	1.27	11.4	-0.06
Lợi nhuận sau thuế	-7.61	-12.5	1.27	11.4	-0.08
LNST của CĐ cty mẹ	-7.94	-12.5	1.30	11.4	-0.08

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.4	15.2	-0.11	-2.20	24.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.45	-4.39	3.85	-0.26	-43.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.97	-0.29	-0.29	-0.29	-0.26
Tiền đầu kỳ	62.9	50.0	60.5	64.0	61.2
Lưu chuyển tiền thuần	-12.9	10.5	3.45	-2.75	-18.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	50.0	60.5	64.0	61.2	42.5

(Nguồn: fireant.vn)